

CẦN PHÁT TRIỂN

THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT

THEO CHIỀU SÂU

ThS. TRINH THANH HUYỀN

NẾU NHƯ GIAI ĐOẠN 2002-2003, NGÂN HÀNG BỊ COI LÀ KHẢ MẠO HIỂM KHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT TRONG DÂN CƯ THÌ ĐẾN NAY ĐÃ CÓ KHOẢNG 40 NGÂN HÀNG THAM GIA VÀO THỊ TRƯỜNG THẺ THANH TOÁN, TRONG ĐÓ CÓ 30 NGÂN HÀNG TRONG NƯỚC VÀ GẦN 10 NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI ĐANG HOẠT ĐỘNG TẠI VIỆT NAM. THEO HIỆP HỘI THẺ VIỆT NAM, TÍNH ĐẾN CUỐI THÁNG 6/2011, ƯỚC TÍNH ĐÃ CÓ KHOẢNG 55% ĐƠN VỊ HƯỞNG LƯƠNG QUA NSNN THỰC HIỆN TRẢ LƯƠNG QUA TÀI KHOẢN (SO VỚI TỶ LỆ 41,5% CUỐI NĂM 2009), KHOẢNG 36 TRIỆU THẺ ĐƯỢC PHÁT HÀNH, VỚI 12.881 MÁY ATM VÀ 63.405 MÁY POS ĐƯỢC LẮP ĐẶT (TĂNG LẦN LƯỢT 6 LẦN VÀ 5 LẦN SO VỚI NĂM 2005), TRONG ĐÓ, TỔNG SỐ MÁY ATM LIÊN THÔNG ĐẠT 9.000 MÁY, TỔNG SỐ GIAO DỊCH XỬ LÝ THÀNH CÔNG QUA HỆ THỐNG BANKNET.VN VÀ SMARTLINK ĐẠT 15 TRIỆU GIAO DỊCH, TĂNG 138%; TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH ĐẠT 11.500 TỶ ĐỒNG, TĂNG 153% SO VỚI 2009.

Sau khi 3 mạng Smartlink, Banknet.vn và VNBC hoàn thành kết nối liên thông hệ thống POS và triển khai cung cấp dịch vụ cho 25 ngân hàng thành viên trên địa bàn Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, hệ thống đã xử lý thành công hơn 6.000 giao dịch POS liên mạng với tổng giá trị giao dịch đạt 7,2 tỷ đồng. Việc kết nối liên thông mạng ATM và POS của các ngân hàng đã tạo ra các tiện ích và giá trị lớn hơn cho người sử dụng thẻ, tiết kiệm chi phí đầu tư mở rộng mạng lưới và góp phần giảm tải hệ thống ATM của từng ngân hàng. Không những thế, việc liên thông này còn tạo nền tảng để phát huy tính năng cơ bản của thẻ ngân hàng và đưa thẻ ngân hàng trở thành công cụ thanh toán thay tiền mặt thuận lợi, hữu ích, trong khu vực dân cư.

So với lịch sử gần một thế kỷ phát triển hoạt động thanh toán thẻ trên thế giới vốn được hình thành và phát triển từ những năm 20 của thế kỷ trước thì hoạt động thanh toán thẻ tại Việt Nam vẫn còn rất non trẻ, chỉ với gần 20 năm tuổi nếu tính cả giai đoạn mà các ngân hàng Việt Nam mới chỉ thực hiện vai trò đại lý thanh toán

thẻ quốc tế cho các ngân hàng nước ngoài. Thực chất, phải từ sau năm 2002, khi ngân hàng đầu tư nâng cấp hệ thống core banking (ngân hàng lõi) thì các ứng dụng cụ thể mới lần lượt được triển khai, trong đó nổi bật là thẻ ghi nợ. Từ đó trở đi, thị trường thẻ nói riêng và hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt ở Việt Nam nói chung mới thực sự có bước đột phá quan trọng. Tỷ trọng tiền mặt so với tổng PTTT tuy vẫn còn ở mức cao so với thế giới nhưng đã giảm đáng kể qua các năm (Biểu đồ 1).

Cùng với sự tăng trưởng của số lượng thẻ phát hành, từ năm 2008 đến nay, các dịch vụ, phương tiện thanh toán KDTM đã được phát triển mạnh mẽ và đa dạng dựa trên nền tảng ứng dụng CNTT như internet banking, mobile banking, Ví điện tử, kênh thanh toán qua Paypal... đã hình thành và đang dần đi vào cuộc sống, phù hợp với xu thế thanh toán của các nước trong khu vực và trên thế giới.

Cơ sở hạ tầng công nghệ phục vụ thanh toán KDTM đã được thiết lập

Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng giai đoạn 2 đã hoàn thành kết nối 63 chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố, đánh

dấu một giai đoạn mới của hệ thống thanh toán ngân hàng với những thay đổi cơ bản về kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiệu năng xử lý và quy trình nghiệp vụ hiện đại theo thông lệ quốc tế, đáp ứng nhu cầu thanh, quyết toán tức thời và số lượng giao dịch thanh toán ngày càng cao của nền kinh tế. Đây là hệ thống thanh toán xương sống của quốc gia, tạo ra bước phát triển đột phá về nền tảng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho việc phát triển các PTTT mới KDTM. Hệ thống thanh toán nội bộ của các NHTM cũng có sự phát triển vượt bậc, nhờ sự đầu tư về cơ sở hạ tầng và triển khai ứng dụng mạnh mẽ công nghệ phục vụ cho hoạt động thanh toán. Hầu hết các NHTM đã thiết lập được hệ thống core banking, hệ thống thanh toán nội bộ với công nghệ tiên tiến, cho phép các NHTM cung ứng các dịch vụ, phương tiện thanh toán hiện đại và khả năng kết nối trực tuyến, mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng.

Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động thanh toán KDTM đang từng bước hoàn thiện

Nghị định 35/2007/ND-CP quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân



hàng; Chỉ thị 20/2007/CT-TTg, Chỉ thị 05/2007/CT-NHNN về việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ NSNN; Quyết định 20/2007/QĐ-NHNN ban hành Quy chế về phát hành, sử dụng, thanh toán và cung cấp dịch vụ hỗ trợ thẻ ngân hàng cộng với những sửa đổi bổ sung về lĩnh vực thanh toán trong Luật NHNN và Luật các TCTD năm 2010 đã và đang từng bước xác lập và hoàn thiện hành lang pháp lý cho các dịch vụ ngân

hàng hiện đại, tạo điều kiện cho ngân hàng tham gia sâu rộng và các hoạt động thương mại điện tử, cung cấp các dịch vụ thanh toán cho các chủ thẻ tham gia kinh doanh trực tuyến trên mạng trong phạm vi toàn xã hội.

Ngoài ra, Bộ Luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009 cũng quy định các tội danh cụ thể liên quan đến công nghệ cao, tạo điều kiện cho việc đấu tranh phòng chống tội phạm trong thanh toán. Trong

đó, Điều 226b quy định rõ tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản như: sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt hoặc làm giả thẻ ngân hàng nhằm chiếm đoạt tài sản của chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ; truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản, lừa đảo trong thương mại điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn tín dụng, mua bán và thanh toán cổ phiếu qua mạng nhằm chiếm đoạt tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân... cũng là những chế tài quan trọng nhằm tạo niềm tin của người dân trong sử dụng các phương tiện thanh toán KDTM ở Việt Nam. Điều này đặc biệt quan trọng bởi lẽ hiện nay, đối tượng tham gia cung ứng dịch vụ thanh toán trong khu vực dân cư không còn giới hạn ở các ngân hàng mà còn có các tổ chức khác nữa là các công ty cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán, vì thế mức độ cạnh tranh trên thị trường sẽ gay gắt hơn. Mỗi một mô hình tổ chức có những đặc trưng riêng, lợi thế riêng và chiến lược khách hàng riêng, theo đó các nhu cầu khác nhau của từng loại đối tượng khách hàng được đáp ứng.

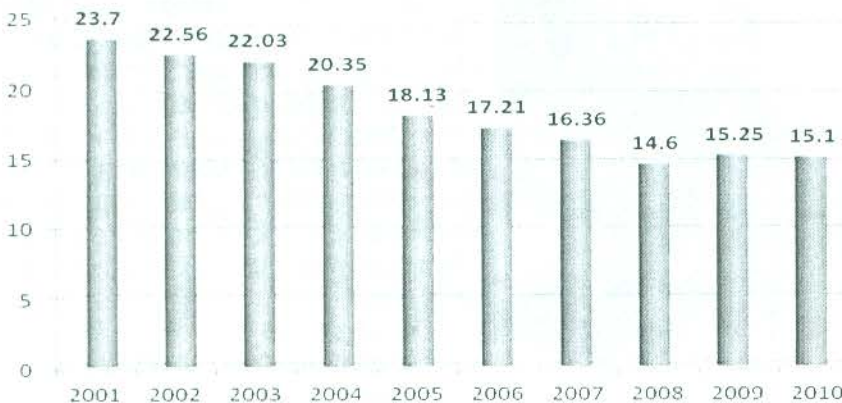
2. Những vấn đề còn hạn chế

** Các phương tiện, dịch vụ thanh toán chưa phong phú và tiện ích chưa cao.*

Mặc dù thời gian qua, NHNN đã triển khai một số chương trình mang tính định hướng thị trường nhằm mục tiêu thúc đẩy phát triển mạng lưới POS thẻ nội địa, tuy nhiên, việc mở rộng mạng lưới chấp nhận thẻ nội địa vẫn gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại. Do phần lớn khách hàng sử dụng thẻ nội địa là người Việt Nam, vốn quá quen với việc sử dụng tiền mặt và lại luôn có sẵn tiền mặt cũng như dễ dàng tiếp cận với nguồn tiền mặt có tại các ATM, nên việc sử dụng các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt còn rất hạn chế. Đây là lý do chính khiến việc phát triển mạng lưới POS cho thẻ nội địa, thu hút khách hàng sử dụng thẻ ghi nợ nội địa để thanh toán hàng hóa, dịch vụ chưa thu được kết quả như mong muốn.

Các PTTT hiện nay chưa được triển khai trên diện rộng để đáp ứng nhu cầu thanh toán trong nền kinh tế. Các PTTT này còn mới mẻ và bỡ ngỡ với phần lớn người dân; tâm lý e dè, ngại tìm hiểu, sợ

Biểu đồ 1: Tỷ trọng thanh toán KDTM/tổng PTTT giai đoạn 2001-2010



Nguồn: Báo cáo NHNN qua các năm

...Dịch vụ thẻ ngân hàng mới có sự gia tăng về số lượng nhưng chưa có sự chuyển biến thực sự về chất lượng; mục tiêu cuối cùng là sử dụng thẻ để thanh toán hàng hóa, dịch vụ thay vì dùng tiền mặt nhưng thực tế là 83% giao dịch thực hiện tại hệ thống ATM là để rút tiền mặt...

rủi ro đã ngăn cản việc tiếp cận của người tiêu dùng với các hình thức thanh toán mới. Các thanh toán trong khu vực dân cư phần lớn vẫn sử dụng tiền mặt, ngay cả ở thành thị, nơi có điều kiện thuận lợi cho phát triển các phương tiện thanh toán KDTM, việc sử dụng tiền mặt vẫn còn phổ biến. Còn ở khu vực nông thôn thì điều kiện khó khăn, trở ngại hơn nhiều, do đó đại bộ phận người dân chưa có điều kiện tiếp cận các dịch vụ và tiện ích thanh toán hiện đại.

Dịch vụ thẻ ngân hàng mới có sự gia tăng về số lượng nhưng chưa có sự chuyển biến thực sự về chất lượng; mục tiêu cuối cùng là sử dụng thẻ để thanh toán hàng hóa, dịch vụ thay vì dùng tiền mặt nhưng thực tế là 83% giao dịch thực hiện tại hệ thống ATM là để rút tiền mặt, việc chuyển khoản chủ yếu được thực hiện trong nội bộ từng ngân hàng; dịch vụ đi kèm ATM đã có nhưng chưa nhiều. Hệ thống POS chưa phát triển rộng, thanh toán qua POS còn hạn chế; số lượng giao dịch qua POS còn ít (chỉ đạt chưa đến 5% doanh số bán hàng); việc thanh toán qua POS chưa trở thành thói quen trong các giao dịch thanh toán của người dân cũng như của các đơn vị kinh doanh.

Phí chưa thỏa đáng

Các đơn vị kinh doanh không muốn chấp nhận thẻ một phần do phải trả phí ngân hàng, một phần là phải công khai doanh thu nên không tiện cho việc trốn thuế, và còn do hạn chế trong nhận thức về lợi ích của việc thanh toán bằng thẻ. Vì thế, một số ĐVCNT dù đã ký hợp đồng chấp nhận thẻ với ngân hàng nhưng vẫn tìm nhiều cách hạn chế các giao dịch bằng thẻ của khách hàng như để máy cả thẻ vào nơi khuất, gợi ý và ưu tiên cho khách hàng trả tiền mặt, thậm chí còn thu thêm phụ phí đối với khách hàng thanh toán KDTM.

Thực tế các ngân hàng chạy đua hạ mức phí

chiết khấu cho các ĐVCNT khiến cho việc phát triển mạng lưới POS không có hiệu quả do các ngân hàng không có nguồn thu bù đắp chi phí đầu tư mua sắm thiết bị, chi phí cho nhân sự đi phát triển ĐVCNT. Hiện nay, nhiều ngân hàng vẫn chỉ tập trung vào một nhóm các ĐVCNT nhất định mà không nghiên cứu mở rộng, phát triển các đơn vị mới, dẫn đến tình trạng một ĐVCNT có nhiều POS, kéo theo tỷ lệ sử dụng POS không cao, đồng thời gây lãng phí nguồn lực. Về dài hạn, tình trạng này sẽ phá vỡ sự phát triển bền vững của thị trường thẻ và khó khăn cho việc mở rộng mạng lưới ĐVCNT của các ngân hàng nói riêng, ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện định hướng đẩy mạnh thanh toán KDTM trên thị trường nội địa.

*** Cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ thanh toán còn hạn chế.**

Hạ tầng cơ sở kỹ thuật phục vụ cho hoạt động thanh toán phát triển chưa đồng bộ, bởi đòi hỏi một lượng vốn đầu tư lớn cả cho công nghệ và cơ sở hạ tầng (CSHT) nên thường chỉ có các NHTM lớn có tiềm lực về tài chính mới có khả năng đầu tư các trang thiết bị phục vụ hoạt động thanh toán, mở rộng các phương tiện thanh toán mới, nhưng mới chỉ tập trung ở các thành phố, đô thị, chưa trang bị đến các vùng nông thôn, miền núi. Mặc dù số lượng ATM, POS được lắp đặt tăng đều qua các năm nhưng thực tế là tỷ trọng so với số dân vẫn còn thấp, chưa phân bố đều (chủ yếu tập trung tại các đô thị lớn, khu công nghiệp). Chất lượng hoạt động của hệ thống CSHT chung phục vụ thanh toán chưa đảm bảo, chưa đáp ứng được nhu cầu gia tăng về hoạt động thanh toán trong nền kinh tế; thiếu một hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật, thông tin thống nhất, còn tiềm ẩn nguy cơ về an ninh, bảo mật; sự hợp tác giữa các nhà cung cấp dịch vụ với các ngân hàng gặp trở ngại do sự khác biệt về hệ thống quản lý, cơ sở dữ liệu...

Khuôn khổ pháp lý chưa hoàn thiện

Với sự phát triển của khoa học công nghệ và truyền thông, nhiều dịch vụ thanh toán mới ra đời nhưng hành lang pháp lý chưa được thiết lập. Các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy thanh toán KDTM chưa thật đồng bộ, chưa khuyến khích đầu tư mạnh cho cơ sở hạ tầng; sự phối kết hợp giữa những biện pháp hành chính và biện pháp kích thích kinh tế chưa đồng bộ, chưa đủ mạnh để đưa chủ trương thực sự đi vào cuộc sống.

Đối với dịch vụ thẻ, cho đến nay, các cơ quan quản lý vĩ mô như NHNN, Bộ Tài chính, Chính phủ vẫn chưa ban hành chính sách nhằm tạo một bước đột phá đối với dịch vụ thanh toán thẻ như quy định về các loại hình kinh doanh bất



buộc phải thanh toán qua thẻ, giảm thuế/hoàn thuế cho các giao dịch thanh toán bằng thẻ, miễn/giảm thuế nhập khẩu đối với thiết bị thanh toán thẻ EDC... hay như việc NHNN chưa có chính sách hiệu quả nhằm hạn chế việc sử dụng tiền mặt để mua sắm hàng hóa, dịch vụ, từ đó không hỗ trợ được việc thực hiện định hướng thanh toán KDTM của Chính phủ.

Các nguyên nhân chủ yếu

Có nhiều lý giải về tình trạng này nhưng những nguyên nhân chủ yếu có thể kể đến là:

- *Thói quen và nhận thức của người dân:* Sau đổi mới ngành Ngân hàng, toàn bộ những yêu cầu quản lý tiền mặt áp dụng trước đó được loại bỏ. Tiền mặt trở thành một công cụ thanh toán không hạn chế về đối tượng và phạm vi sử dụng. Hầu hết chi phí liên quan đến tiền mặt trong lưu thông như in ấn, phát hành, thu huỷ, vận chuyển, bảo quản, an ninh là chi phí xã hội và do Nhà nước phải chịu. Cá nhân người thanh toán chỉ phải chịu phần chi phí nhỏ trong đó (kiểm đếm, vận chuyển), trong khi đó tiền mặt có điểm ưu việt rất lớn là thanh toán tức thời và vô danh, thủ tục đơn giản. Vì vậy, tiền mặt đã trở thành một công cụ rất được ưa chuộng trong thanh toán và từ lâu đã trở thành thói quen khó thay đổi của người tiêu dùng và nhiều doanh nghiệp. Thói quen sử dụng tiền mặt trong thanh toán hiện nay là lực cản lớn trong việc phát triển thanh toán KDTM. Thói quen này được hỗ trợ bởi việc luôn có sẵn tiền mặt cũng như dễ dàng tiếp cận với nguồn tiền mặt tại các ATM (theo tính toán của Hội thẻ Ngân hàng Việt Nam, lượng tiền mặt được rút ra qua ATM mỗi năm khoảng 550.000 tỷ đồng⁽¹⁾ nên việc sử dụng các phương tiện thanh toán KDTM lại càng hạn chế.

- *Thiếu động cơ kinh tế đủ mạnh để khuyến khích thanh toán không dùng tiền mặt:* đối với nhiều đối tượng giao dịch, các công cụ và dịch vụ thanh toán KDTM không chứng tỏ có lợi ích hơn hẳn về kinh tế so với thanh toán bằng tiền mặt. Các đơn vị kinh doanh không muốn chấp nhận thẻ do phải trả phí cho ngân hàng, đồng thời phải công khai doanh thu nên không thể trốn thuế, ngoài ra, do nhận thức của họ về lợi ích của việc thanh toán KDTM còn hạn chế. Cũng vì thế, ngay cả với một số ĐVCNT dù đã ký hợp đồng chấp nhận thẻ với ngân hàng nhưng vẫn tìm nhiều



Thói quen sử dụng tiền mặt trong thanh toán hiện nay là lực cản lớn trong việc phát triển thanh toán KDTM.

cách để hạn chế giao dịch bằng thẻ của khách hàng như để máy cà thẻ vào nơi khuất, gợi ý và ưu tiên cho khách hàng thanh toán bằng tiền mặt hay thu thêm phụ phí đối với các khách hàng thanh toán bằng thẻ.

- *Kinh tế không chính thức phát triển:* đây là nền kinh tế xuất phát từ đặc điểm sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo quy mô nhỏ, lẻ, với loại hình này thì khả năng tiếp nhận phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt là rất khó khăn. Ngoài ra, một bộ phận rất lớn của nền kinh tế không chính thức là kinh tế ngầm liên quan tới hoạt động buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại, tham nhũng..., luồng luân chuyển tiền tệ phục vụ các hoạt động này có thể rất lớn. Đối với những người tham gia các giao dịch này, cho dù phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt có thuận tiện thì đó vẫn không phải là phương tiện thanh toán được lựa chọn, xuất phát từ nhu cầu che dấu nguồn gốc giao dịch và danh tính của đối tượng tham gia;

- *Hành lang pháp lý trong lĩnh vực thanh toán chưa hoàn thiện,* mặc dù trong thời gian vừa qua hành lang pháp lý trong lĩnh vực thanh toán đã cải thiện nhiều, song vẫn được đánh giá là chưa đầy đủ và đồng bộ, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến thanh toán điện tử và thương mại điện tử. Ví dụ như, đối với giao dịch điện tử, chưa đủ cơ sở để các ngân hàng tổ chức triển khai các kênh giao dịch điện tử, vì chưa tạo được một cơ chế tổng hợp điều chỉnh hoạt động thương mại điện tử

trong ngành ngân hàng, chưa có sự chấp nhận đồng bộ giao dịch điện tử, chứng từ điện tử giữa các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan (như Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan,...). Luật Giao dịch điện tử đã được Quốc hội thông qua là một bước tiến mới mang tính đột phá của Việt Nam trong ứng dụng công nghệ thông tin để phát triển kinh tế xã hội, tạo hành lang pháp lý cho các dịch vụ ngân hàng hiện đại phát triển, tạo điều kiện cho ngân hàng tham gia sâu rộng vào các hoạt động thương mại điện tử, cung cấp các dịch vụ thanh toán cho các chủ thể tham gia kinh doanh trực tuyến trên mạng trong phạm vi toàn xã hội. Tuy nhiên, để luật này đi vào cuộc sống là cả một quá trình phấn đấu không chỉ của riêng ngành ngân hàng mà của toàn xã hội. Hệ thống văn bản pháp lý liên quan đến lĩnh vực thanh toán vẫn còn những điểm cần phải tiếp tục được chỉnh sửa, thay thế để có thể phù hợp với thông lệ quốc tế và nhu cầu của người sử dụng. Một số văn bản còn thể hiện nhiều bất cập và chưa phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường.

Ngoài ra, với tốc độ phát triển mạnh mẽ về công nghệ thông tin và sự ra đời của hàng loạt các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, nền tảng pháp lý cần được hoàn chỉnh gấp để bao hàm cả các loại hình tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không phải là ngân hàng, các tổ chức công nghệ thông tin cung ứng những sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ cho các ngân hàng, các tổ chức

(Xem tiếp trang 42)

CẦN PHÁT TRIỂN...

(Tiếp theo trang 21)

làm dịch vụ thanh toán, chẳng hạn như những công ty cung cấp giải pháp công nghệ qua mạng Internet, các công ty kinh doanh dịch vụ thẻ, các tổ chức chuyên làm dịch vụ thanh toán bù trừ...

- *Vốn đầu tư vào hoạt động này kém hiệu quả:* từ góc độ các NHTM, vấn đề lớn nhất trong phát triển hoạt động thanh toán là những hạn chế về vốn đầu tư. Vốn đầu tư đòi hỏi phải rất lớn, thời gian thu hồi vốn dài hạn mà hiệu quả đầu tư lại thấp. Vì vậy, chỉ có những ngân hàng lớn, có tiềm lực mạnh về tài chính, chủ yếu là các NHTM lớn hiện nay mới có khả năng tập trung đầu tư lớn về trang thiết bị phục vụ cho hoạt động thanh toán. Các ngân hàng nhỏ chủ yếu chọn cách chia sẻ mạng lưới với các ngân hàng lớn. Tuy nhiên, khả năng chia sẻ mạng lưới và hạ tầng kỹ thuật khác giữa các ngân hàng còn hạn chế, do các ngân hàng chưa tìm được tiếng nói chung để đi đến thoả thuận kết nối thống nhất nhằm chia sẻ hạ tầng kỹ thuật. Trong khi đó, cơ cấu tính phí dịch vụ thanh toán còn bất hợp lý, thể hiện ngay cả các giao dịch thanh toán qua NHNN, cũng như trong nội bộ tổ chức tín dụng.

Nhưng ngay cả đối với các ngân hàng lớn, việc phát triển và duy trì hoạt động của mạng lưới ATM vẫn là khó khăn rất lớn. Cũng bởi chi phí đầu tư của ATM của các ngân hàng khá lớn (bao gồm chi phí mua máy, lắp đặt, bảo trì, chăm sóc, vận hành, lắp đặt camera...) trong khi các ngân hàng không có nguồn thu đối với

khoản đầu tư vào hệ thống ATM. Hơn nữa, số tiền duy trì trong tài khoản của khách hàng chỉ tương ứng với số tiền các ngân hàng phải nạp sẵn vào máy ATM cũng như để dự trữ cho việc tiếp quỹ ATM, do đó ngân hàng không được hưởng lợi nhiều từ các khoản tiền này. Trong khi đó, các ngân hàng vẫn chưa được thu phí giao dịch ATM nội mạng để bù đắp một phần chi phí đầu tư cho hệ thống ATM. Riêng chi phí ban đầu một máy ATM đã lên tới 20.000 USD. Hiện nhiều doanh nghiệp đang phải bù lỗ cho dịch vụ ATM với số tiền bù lỗ khoảng 10-30 tỷ đồng/năm. Trong tình hình huy động khó khăn như hiện nay thì các ngân hàng, đặc biệt là các ngân hàng có mạng ATM lớn, còn phải chịu áp lực rất lớn trong việc đảm bảo tiền mặt đầy đủ, kịp thời phục vụ cho các giao dịch của khách hàng tại các máy ATM. Khó khăn ngày càng gia tăng hơn vào các dịp nghỉ lễ, Tết khi nhu cầu rút tiền mặt tăng đột biến. Không những thế, thời gian qua, các ngân hàng chạy đua hạ mức phí chiết khấu cho các ĐVCNT khiến cho việc phát triển mạng lưới POS không có hiệu quả do các ngân hàng không có nguồn thu bù đắp chi phí đầu tư mua sắm thiết bị, chi phí cho nhân sự đi phát triển ĐVCNT.

- *Thông tin tuyên truyền chưa được định hướng đúng đắn:* công tác thông tin tuyên truyền chưa được quan tâm, chú trọng. Những mục tiêu chiến lược, định hướng và các chính sách lớn để phát triển hoạt động thanh toán chưa được công bố

đầy đủ cho công chúng. Vì vậy, không chỉ người dân mà thậm chí nhiều doanh nghiệp còn rất ít hiểu biết hoặc hiểu biết mơ hồ về các dịch vụ thanh toán và phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt. Ngoài ra, các phương tiện thông tin đại chúng đôi khi còn phản ánh chưa thật khách quan, thiên lệch, khai thác những yếu điểm, lỗi kỹ thuật hoặc những yếu tố tiêu cực mang tính cá biệt để đưa lên công luận, khiến cho thông tin đến với những người tiêu dùng thường một chiều, thậm chí sai lệch, gây mất lòng tin của người dân vào các phương tiện thanh toán mới.

- *Tội phạm trong lĩnh vực thanh toán gia tăng.* Tính đến đầu năm 2010, tỷ lệ gian lận thẻ tại Việt Nam cao hơn so với thế giới và gấp khoảng 3 lần so với tỷ lệ trung bình của khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Gian lận phát sinh chủ yếu liên quan đến gian lận tài khoản thẻ và thẻ giả, tiếp sau là các loại hình khác như thẻ mất cắp, thất lạc... Trong đó, gian lận tài khoản thẻ thường xảy ra với các giao dịch không xuất trình thẻ vẫn chiếm tỷ lệ cao hơn đáng kể so với gian lận thẻ giả. Tuy nhiên, từ quý II/2010, tình hình đã có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực, tỷ lệ gian lận của thị trường Việt Nam mặc dù vẫn còn cao hơn so với các nước trong khu vực, nhưng đang có xu hướng ổn định ở mức xấp xỉ của khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Gần đây, thị trường xuất hiện rủi ro cực kỳ nguy hiểm là hiện tượng kẻ xấu đập phá máy ATM để lấy tiền⁽²⁾. Ngoài ra, còn có một số rủi ro khác gây thiệt hại tài chính khá lớn đối với các ngân hàng như:

- Ăn cắp dữ liệu thẻ tại ATM (*skimming*) để thực hiện các giao dịch bất hợp pháp.

- Các ĐVCNT thông đồng thực hiện các giao dịch gian lận và bỏ trốn sau khi đã nhận được tiền tạm ứng của ngân hàng.

- Gần đây đã xuất hiện hiện tượng chủ thẻ thường xuyên sử dụng thẻ ghi nợ quốc tế để thực hiện các giao dịch rút tiền mặt bằng USD tại Campuchia nhằm trục lợi từ chênh lệch tỷ giá ngoài thị trường tự do so với tỷ giá công bố của các ngân hàng. Bên cạnh đó cũng xuất hiện loại hình giao dịch chuyển tiền từ tài khoản thẻ tín dụng sang



Lượng tiền mặt được rút ra từ máy ATM càng lớn thì hiệu quả đối với phát triển thanh toán không dùng tiền mặt càng thấp.